

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2022
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân.
2. Ông Nguyễn Văn Huyền.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về “tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Hà Thị Thanh T, sinh năm 1974; cư trú tại: tổ 5, ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Phan Thanh B, sinh năm 1978; cư trú tại: tổ 5, ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phan Thanh B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012. Quá trình chung sống đến nay anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị phát sinh mâu thuẫn từ

khoảng năm 2019, nguyên nhân do anh B thường xuyên sử dụng rượu bia, cờ bạc và có hành vi bạo lực với chị, đập phá, hủy hoại tài sản trong gia đình. Chị có nghe dư luận việc anh B quan hệ bất chính với người khác nhưng chị không trực tiếp chứng kiến. Thời gian gần đây anh B không đóng góp chi phí sinh hoạt, nuôi dạy chăm sóc con. Anh chị không còn chung sống với nhau được khoảng 01 tháng. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh B.

- Về con chung: anh chị có 01 người con chung tên Phan Hoàng An K, sinh ngày 05/7/2012. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Thanh B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Hà Thị Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ khoảng năm 2012 đến nay, anh chị có cãi nhau về vấn đề kinh tế, công việc của anh là thầu xây dựng, có thời gian bị thua lỗ nên vợ chồng gây gổ cãi nhau, trong lúc nóng giận anh có đập phá đồ đạc trong gia đình; thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau về việc anh thường xuyên sử dụng rượu bia. Anh chị không còn chung sống với nhau được khoảng 02 tháng và hiện nay anh không đóng góp chi phí sinh hoạt, nuôi dạy chăm sóc con. Nay anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: anh thừa nhận những lời trình bày của chị T về họ tên, ngày/tháng/năm sinh của 01 người con chung là đúng. Anh đồng ý giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: chị T, anh B vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định; xác minh, thu thập chứng cứ đúng trình tự; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định; thực hiện đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: căn cứ các điều 9, 14, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

Về hôn nhân: không công nhận chị Hà Thị Thanh T và anh Phan Thanh B là vợ chồng.

Về con chung: giao cháu Phan Hoàng An K, sinh ngày 05/7/2012 cho chị T nuôi dưỡng; ghi nhận chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T, anh B không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009. Các bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh chị chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B.

[3] Về con chung: cháu Phan Hoàng An K, sinh ngày 05/7/2012 có nguyện vọng được sống với chị T. Quá trình giải quyết vụ án, chị T, anh B thỏa thuận giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K; cháu K đã quen với điều kiện, môi trường sống và được chị T nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo điều kiện tốt nhất. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị T, anh B không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Hà Thị Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 14, 15, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Thanh T đối với anh Phan Thanh B về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Thanh T với anh Phan Thanh B. Chị T và anh B không có quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: giao cháu Phan Hoàng An K, sinh ngày 05/7/2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Phan Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị Hà Thị Thanh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh B không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị T, anh B không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: chị Hà Thị Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004023 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Hải

